

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 795/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2018
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2/- Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị A

Thường trú: 6/1/14/34 đường số V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C

Thường trú: 6/1/14/34 đường số V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Đặng Thị A là nguyên đơn trình bày : Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn vào tháng 11 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Long An. Sau khi lập gia đình hai bên sống tự lập. theo bà cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu , đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông C thường xuyên đi sớm về muộn, có khi đi nhiều ngày mới về không có lý do, không quan tâm lo lắng và thiếu trách nhiệm với gia đình, hơn nữa lại thường xuyên lớn tiếng từ đó dẫn đến mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc . Đến tháng 10/2017 ông C chủ động bỏ nhà ra ngoài sống và hai bên ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình hai bên có tạo điều kiện hàn gắn đoàn tụ nhưng không kết quả, xét thấy tình cảm thực sự không còn , mục đích hôn nhân không đạt được nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 16/9/2005, hiện tại bà đang trực tiếp nuôi con . Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung , việc cấp dưỡng nuôi con bà tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 26/3/2018 ông Nguyễn Văn C là bị đơn trình bày: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như lời trình bày của bà Đặng Thị A. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập , theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân lỗi là do ông thiếu trách nhiệm với gia đình , dẫn đến kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã , từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Kể từ tháng 10/2017 ông chủ động bỏ đi nơi khác sinh sống, thời gian ly thân ông có tạo điều kiện hàn gắn nhưng bà A không đồng ý. Tại Tòa ông xác định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, và xin được đoàn tụ gia đình, ông cam kết sẽ khắc phục sửa chữa những thiếu sót trong thời gian qua.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 16/9/2005. Hiện nay người con chung đang sống với bà A, tuy nhiên nếu phải ly hôn thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa bà A xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc , mục đích hôn nhân không đạt được , do đó bà vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung : Bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung và tự nguyện không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Văn C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do , theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà Đặng Thị A và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 2004 có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, theo chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01 ngày 15/11/2004 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Long An cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp , được pháp luật công nhận . Ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 6/1/14/34 đường số V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, đời sống chung của vợ chồng ông không hạnh phúc, bà A là một bên đương sự , có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Đặng Thị A và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 2004, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, kể từ đầu năm 2017 trở đi thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính theo lời trình bày của hai

bên đương sự là do đôi bên bất đồng quan điểm sống, ông C thiếu trách nhiệm với gia đình, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Kể từ tháng 10/2017 cho đến nay cả hai đã sống ly thân, thời gian ly thân ông C có tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình nhưng bà A không đồng ý. Căn cứ vào biên bản hòa giải tại Tòa án ông C xác định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, và xin được đoàn tụ gia đình, ông cam kết sẽ khắc phục sửa chữa những thiếu sót trong thời gian qua. Do đó Tòa án đã tạm hoãn phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện thêm thời gian để đôi bên hàn gắn gia đình. Tuy nhiên thời gian sau đó cả hai vẫn sống ly thân, mặc dù đã nhận trực tiếp thông báo hòa giải của Tòa án nhưng ông C vẫn không đến tòa để giải quyết và việc vắng mặt của ông C không có lý do, điều này chứng tỏ ông C không quan tâm đến việc yêu cầu xin ly hôn của bà A, từ đó cho thấy thực tế tình trạng hôn nhân của đôi bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét hiện tại đôi bên đã sống ly thân, việc bà A có đơn yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Việc ông C xin được đoàn tụ gia đình là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 16/9/2005, sau khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc nuôi con là thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung, tuy nhiên để bảo vệ quyền và lợi ích mọi mặt của người con, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao người con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, theo yêu cầu của bà A và nguyện vọng của người con chung là hợp lý và phù hợp với điều kiện thực tế vì hiện nay người con chung đang do bà A trực tiếp nuôi dưỡng, khi có điều kiện ông C có thể đến thăm nom chăm sóc, dạy dỗ và giáo dục con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật, về mức cấp dưỡng nuôi con chung bà A tự nguyện không yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật theo Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà A, ông C về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Đặng Thị A phải nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038384 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Đặng Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân : Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị A và ông Nguyễn Văn C

b-/ Về con chung : Giao bà Đặng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 16/9/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà A tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

d-/ Về nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí: Bà Đặng Thị A phải nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038384 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Đặng Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã P,
huyện G, tỉnh Long An;
- Các bên đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu